

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU    CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 303/2022/DS-PT

Ngày 25 – 11 – 2022

V/v tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và  
bồi thường thiệt hại về tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Hiền

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà  
Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông  
Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử  
phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 243/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng 10  
năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản và bồi thường thiệt hại về tài  
sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022  
của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:208/2022/QĐ-PT ngày  
28 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị B, sinh năm 1955 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Lưu Quốc C, sinh năm 1982 (Có mặt);

Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Ngô Văn Ng, sinh năm 1982 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 4, thị t, huyện N, tỉnh C ..

- Người kháng cáo: Ông Lưu Quốc C, là bị đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo bà Huỳnh Thị B trình bày:

Vào ngày 27/12/2020 âm lịch, giữa bà B và ông Lưu Quốc C có xác lập hợp đồng thuê ghe biển, bà B cho ông C thuê ghe biển thời hạn 01 năm, từ ngày 27/12/2020 âm lịch đến ngày 27/12/2021 âm lịch, giá thuê 110.000.000 đồng. Về phương thức thanh toán: Khi ký hợp đồng thuê, ông C trả trước 60.000.000 đồng, phần còn lại đến ngày 27/3/2021 âm lịch thanh toán 50.000.000 đồng. Khi cho thuê trên ghe có các tài sản gồm: 01 cóc đề máy; 01 máy lớn; 03 máy 6D22 để chạy tàu biển; 01 cái ly mô; 04 bình ắc quy; 01 cục sạc bình; 01 cái thùng thái; 01 hộp đen; dây neo.

Theo hợp đồng thỏa thuận nếu tài sản bị hư hỏng thì bên thuê chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, sau khi ông C thuê ghe về đánh bắt thủy sản một thời gian, còn 04 ngày nữa đến ngày giao số tiền 50.000.000 đồng, thì vào ngày 23/3/2021 âm lịch ông C đem ghe đến trả, khi đó không có bà B ở nhà mà chỉ có con bà B ở nhà. Gia đình xuống ghe kiểm tra thì phát hiện các tài sản bị hư hỏng gồm: 03 máy 6D22 không nổ; cóc đề máy lớn đã gãy; chân vịt 03 cánh bị gãy 02 cánh (mặc dù hợp đồng không có ghi nhưng khi giao ghe thì có giao chân vịt); cắt keo hầm ghe mà không lấp lại. Gia đình đã báo chính quyền địa phương lập biên bản ghi nhận hiện trạng tài sản hư hỏng.

Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu ông C trả số tiền thuê ghe còn lại 50.000.000 đồng và bồi thường cóc đề máy lớn đã bị hư hỏng sửa chữa là 4.000.000 đồng; 01 chân vịt máy 03 cánh bị gãy 02 cánh mua lại là 10.000.000 đồng, máy D 03 cái không nổ sửa lại là 3.000.000 đồng và mướn thợ lấp keo hầm ghe là 1.000.000 đồng; tổng số tiền là 68.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà B thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông C thanh toán tiền thuê ghe còn lại 50.000.000 đồng và tiền sửa cóc đề là 4.000.000 đồng. Đối với 01 chân vịt máy 03 cánh bị gãy 02 cánh mua lại là 10.000.000 đồng, máy D 03 cái không nổ sửa lại là 3.000.000 đồng và thuê thợ lấp keo hầm ghe là 1.000.000 đồng bà B không yêu cầu.

- Theo ông Lưu Quốc C trình bày:

Vào ngày 27/12/2020 âm lịch, ông C có xác lập hợp đồng thuê ghe biển của bà B để đánh bắt thủy sản, thời hạn thuê là 01 năm, từ ngày 27/12/2020 âm lịch đến ngày 27/12/2021 âm lịch. Theo hợp đồng thuê, trên ghe có các tài sản gồm: 01 máy chạy D22; 01 máy đèn; 01 máy D15; 01 máy D8; 01 cái máy kéo lô; 01 cái li mô máy điện 220V; 04 bình ắc quy (02 cái 150V và 02 cái 120V); 01 bình sạc; 01 cục biến điện 220V; Ngoài ra còn dây neo và 01 cái thùng thái 800 lít. Do làm ăn thua lỗ nên ngày 23/3/2021 âm lịch ông đã đem ghe trả cho bà B. Khi trả ghe có bà B và con bà B tên Ngô Minh Toán (Đê) trực tiếp xuống ghe kiểm tra thì cóc đề bị gãy bất hàn lại được; keo bị sòn do kéo lưới bị chầy chứ không do ông cắt; còn các tài sản khác không bị hư hỏng gì, khi ghe cho thuê thì chân vịt bị gãy.

Nay bà B yêu cầu ông trả tiền thuê ghe còn lại 50.000.000 đồng và bồi thường các tài sản bị hư hỏng, ông không đồng ý, vì thời hạn thuê ghe là 01 năm nhưng thời gian ông thuê mới chỉ 03 tháng và khi trả ghe đã kiểm tra các tài sản không bị hư hỏng; ông đồng ý sửa cóc đề và làm keo lại cho bà B.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xử:*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B. Buộc ông Lưu Quốc C phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà B số tiền 54.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng của các đương sự.

Ngày 12/8/2022, ông Lưu Quốc C có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc ông trả cho bà B số tiền 27.277.000 đồng; buộc bà B trả lại cho ông số tiền 32.277.000 đồng ông trả thừa cho bà B so với thời gian sử dụng tài sản thuê.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lưu Quốc C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông C không có ý kiến tranh luận.

Bà B phát biểu: Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án có sự thay đổi Thẩm phán nhưng hồ sơ không có Quyết định thay đổi Thẩm phán. Về nội dung: Đối với hợp đồng thuê ghe biển giữa bà B với ông C, ghe do ông Ngô Văn Ng đứng tên, ông Ngoan không có ủy quyền cho bà B đứng ra cho ông C thuê; Hợp đồng thuê giữa các bên chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật thủy sản, hợp đồng thuê không có công chứng, chứng thực và không được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép; khi cho thuê ghe biển đã hết thời hạn đăng ký đăng kiểm nhưng chưa đăng ký lại; cấp sơ thẩm cũng chưa xác minh Đồn Biên phòng có việc do hết hạn đăng ký đăng kiểm nên không cho ra biển hay không. Hợp đồng thuê giữa các bên vi phạm khoản 2 Điều 62 Luật thủy sản, nên hợp đồng vô hiệu, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận và xử lý hậu quả hợp đồng. Nhưng cấp sơ thẩm không tuyên hợp đồng vô hiệu, buộc các bên hoàn trả cho nhau những gì đã nhận và xử lý hậu quả hợp đồng là chưa đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Xét kháng cáo của ông Lưu Quốc C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Ngày 27/12/2020 âm lịch, bà Huỳnh Thị B cho ông C thuê ghe biển, biển số CM: 989.62 do anh Ngô Văn Ng đứng tên, thời hạn 01 năm, với giá trị 110.000.000 đồng. Khi ông C nhận ghe, ông C đã thanh toán 60.000.000 đồng, phần còn lại 50.000.000 đồng thoả thuận sẽ thanh toán vào ngày 27/3/2021 âm lịch. Tuy nhiên, đến ngày 23/3/2021 âm lịch ông C trả lại ghe biển thuê cho bà B. Do đó, bà B khởi kiện yêu cầu ông C trả tiếp số tiền thuê còn lại 50.000.000 đồng.

[2] Xét hợp đồng thuê ghe biển giữa ông C với bà B thấy rằng: Hợp đồng do các bên xác lập vi phạm về điều kiện giao dịch theo quy định pháp luật. Thời điểm xác lập hợp đồng, tài sản không phải do bà B đứng tên mà do anh Ngô Văn Ng đứng tên và đã hết thời hạn đăng kiểm được phép hoạt động, nhưng bà B đứng ra xác lập hợp đồng cho ông C thuê. Ông C vẫn biết tài sản thuê không phải do bà B đứng tên và đã hết thời hạn đăng kiểm được phép hoạt động nhưng chấp nhận thuê. Thời điểm ông C thuê ghe biển của bà B để đánh bắt thủy sản cũng là thời điểm phát sinh dịch bệnh Covid, cơ quan biên phòng kiểm tra, quản lý chặt chẽ đối với các phương tiện trước khi ra biển đánh bắt. Do ghe đánh bắt ông C thuê của bà B đã hết thời hạn đăng kiểm hoạt động, chưa đăng ký lại nên không được cho phép ra biển đánh bắt. Chính vì vậy, ông C trả lại ghe cho bà B, bà B cũng nhận lại ghe và cũng không có ý kiến gì về việc ông C trả lại ghe trước thời hạn thuê. Việc ông C trả lại tài sản thuê trước thời hạn không hoàn toàn do lỗi của ông C, mà cả bà B và ông C đều có lỗi.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà B thấy rằng: Tại hợp đồng các bên đã ký ngày 27/12/2020 âm lịch cũng không quy định trường hợp ông C trả lại tài sản thuê trước thời hạn vẫn phải trả đủ tiền thuê theo hợp đồng. Theo hợp đồng thuê thoả thuận thời hạn thuê là 01 năm (12 tháng) với giá thuê là 110.000.000 đồng; ông C đã thanh toán trước cho bà B số tiền 60.000.000 đồng, tương ứng với thời gian hơn 06 tháng, trong khi ông C chỉ quản lý sử dụng tài sản thuê chỉ với thời gian là 02 tháng 26 ngày, vẫn có lợi cho bà B. Việc ông C trả lại tài sản thuê trước thời hạn cũng không thiệt hại gì cho bà B về tiền thuê, Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà B, buộc ông C trả cho bà B số tiền thuê 50.000.000 đồng là không phù hợp. Do đó, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần này, không chấp nhận yêu cầu của bà B đòi ông C trả số tiền thuê 50.000.000 đồng là phù hợp.

[4] Đối với yêu cầu bồi thường tiền sửa cốp đê máy lớn đã bị hư hỏng là 4.000.000 đồng. Ông C thừa nhận khi trả lại tài sản là cốp đê bị gãy nên ông C phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà B. Theo chứng từ bà B cung cấp thể hiện tiền thay cốp đê và tiền công sửa là 4.500.000 đồng, nhưng bà B chỉ yêu cầu ông C bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm buộc ông C bồi thường cho bà B số tiền 4.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Đối với nội dung kháng cáo của ông C yêu cầu bà B trả lại số tiền thuê ông C đã trả thừa so với thời gian ông C sử dụng tài sản thuê là 32.277.000 đồng, do quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông C không đặt ra yêu cầu này và cấp sơ thẩm không xem xét nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc huỷ án sơ thẩm, xét thấy: Mặc dù cấp sơ thẩm có thiếu sót khi thay đổi Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án mà không có Quyết định phân công lại Thẩm phán, nhưng thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án cũng như quyền lợi của các đương sự. Về nội dung tranh chấp, trong vụ án này bà B chỉ tranh chấp yêu cầu ông C trả số tiền thuê tài sản còn lại 50.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại tài sản bị hư hỏng số tiền 4.000.000 đồng. Thực chất là các bên chỉ tranh chấp về

nghĩa vụ thanh toán chứ không tranh chấp về hợp đồng. Do đó, không cần thiết phải huỷ án sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo ông C, sửa một phần bản án sơ thẩm là phù hợp.

[8] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông C phải chịu được điều chỉnh lại theo quy định. Án phí dân sự phúc thẩm: ông C không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Lưu Quốc C.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2022/DS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B.

Buộc ông Lưu Quốc C thanh toán cho bà B số tiền 4.000.000 đồng.

*Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị B với số tiền là 50.000.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lưu Quốc C phải chịu là 300.000 đồng. Bà Huỳnh Thị B được miễn chịu án phí.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Lưu Quốc C không phải chịu. Ngày 12/8/2022 ông C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0020150 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật*

*thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thành Lập**